

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2018/ HNGĐ-ST.

Ngày: 23-10-2018.

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Hiếu

2. Ông Nguyễn Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Oanh**-Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương Thủy**-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 540/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: số 05, đường S, ấp 2, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bi đơn: Ông **Nguyễn Trung D**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ làm việc: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 01/8/2018, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bỏ sung, thay đổi, không rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trung D yêu thương, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2017 theo giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn số 68 ngày 26/5/2017. Sau kết hôn, bà và ông Dũng chung sống tại ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, được khoảng mấy năm sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và công khai mối qua hệ bất chính với người này. Bà có nhiều lần khuyên nhủ để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh D vẫn không thay đổi. Khoảng 01 năm nay, bà đã chuyển về sống cùng với anh ruột ở thành phố Hồ Chí Minh, còn ông D vẫn sống ở huyện N, đây cũng chính là thời gian ly thân của vợ chồng. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

- Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trung D theo biên bản ghi lời khai ngày 03/9/2018 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và hoàn cảnh kết hôn như bà T trình bày là đúng. Ông và bà T yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2017.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, nhưng khoảng hơn 01 năm nay bà T bỏ về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, ông sinh sống ở xã H, huyện N. Đây cũng chính là thời gian ông và bà T ly thân nhau, trong thời gian này vợ chồng không có bàn bạc đoàn tụ. Nay bà T nộp đơn xin ly hôn ông đồng ý thuận tình.

Về con chung; về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên ông đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt ông. Ông cam đoan không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Trung D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Trung D, các đương sự đều cư trú tại huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch

thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Trung D, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trung D yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai ngày 25/6/2017 (giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68/2017) nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nên bà T và ông D đã sống ly thân nhau. Nay bà T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông D được ly hôn. Đối với bị đơn ông D cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung, về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 55; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Nguyễn Trung D. Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn đối với ông Nguyễn Trung D.

[2] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 004061 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Trung D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Nhơn Trạch (1),
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch (1),
- UBND xã H (1),
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thanh Phong